

A: 您去哪儿?

B: 我去大众公司

A: 您知道去那儿怎么走吗?

B: 我知道。一直走, 到红绿灯往右拐

A: 到了。就停这儿吧

B: 请给我发票

a: nín qù nǎr?

b: wǒ qù dàzhòng gōngsī.

a: nín zhīdào qù nàr zěnmē zǒu ma?

b: wǒ zhīdào. yīzhí zǒu, dào hónglǜdēng wǎngyòuguǎi.

a: dào le. jiù tíng zhèr ba.

b: qǐng gěi wǒ fāpiào

怎么走

5公里 300米 近 远 路右边 路左边 东南角 走到头 拐弯 看见 第二个 第一个 丁字路口 十字路口 红绿灯 往右拐 往左拐 往前走 一直走

nhilee's class

- yízhí zǒu
- wǎngqián zǒu
- wǎngzuǒ guǎi
- wǎngyòu guǎi
- hónglǜ dēng
- shízì lù kǒu
- dīngzì lù kǒu
- diǎn gē
- diǎn gē
- kàn jiàn
- guǎi wǎn
- zǒu dào tóu
- dōng nán jiǎo
- lù zuǒ biān
- lù yòu biān
- jìn - yuǎn
- 300m
- 5gōnglǐ

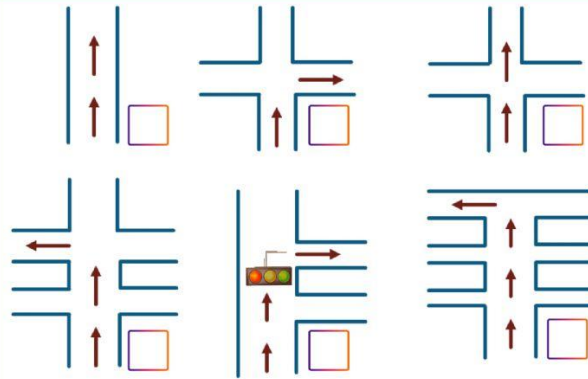
0946069309

nhilee's class

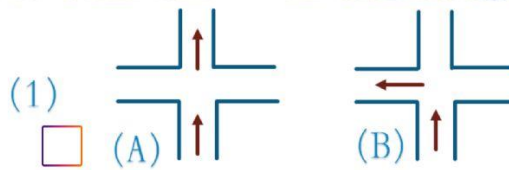
facebook-nhileehtn



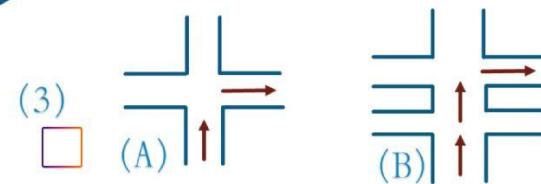
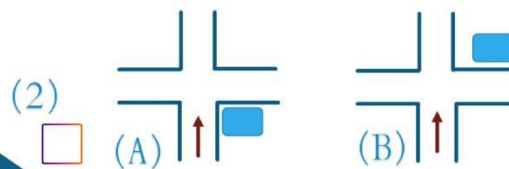
- dī tǎng
- dī wēi fāng xiàng
- quēuāi
- quēuāi
- dēng jiāo tōng
- ngā tū
- ngā bā
- shù yī
- shù èr
- nín shì
- quēuāi
- cuǐ dōng
- gōng Dōng Nam
- bēn zuǒ dōng
- bēn yòu dōng
- gān - xa
- 300m
- 5 km



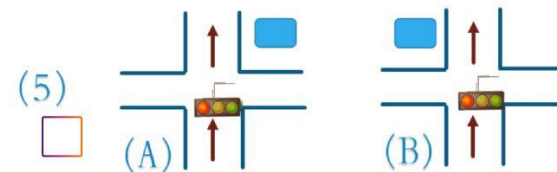
你去哪儿?



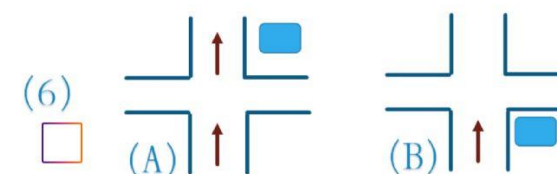
听力二



听力二



听力二



8-11'03"